

Bản án số: 02/2025/HS-ST

Ngày: 20 - 01 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Ngọc Tú.

Thẩm phán: ông Trần Hưng Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Dương Tuấn Anh;

bà Hoàng Nữ Hảo Tâm;

ông Nguyễn Quang Tổ.

Thư ký phiên tòa: ông Phan Văn Viện - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Huế.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên tòa:
ông Trần Xuân Phú - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Huế, số A đường T, phường P, quận T, thành phố H xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 124/2024/TLST-HS ngày 21 tháng 10 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 253/2024/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 11 năm 2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Minh H**, sinh ngày: 22/3/1990, tại: tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: số A đường N, phường P, quận T, thành phố H (trước đây là thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế); nghề nghiệp: không có; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn C, sinh năm 1949 và bà Trần Thị M, sinh năm 1957; có vợ là Trần Lê Phương N, sinh năm: 1992; con: có 02 người, con lớn sinh năm 2018 con nhỏ sinh năm 2020; gia đình có 06 anh chị em, bị cáo là con thứ 05 trong gia đình. Tiền án, tiền sự: không có; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 26/4/2023 cho đến nay, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Minh H:* ông Đặng Văn Q, Luật sư của Công ty L1 và Cộng sự thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T (nay là thành phố H); địa chỉ: số A đường B, phường X, quận T, thành phố H (trước đây là thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

- *Bị hại:*

+ Chị Nguyễn Thị Minh N1, sinh năm 1984; nơi thường trú: kiệt F, tổ dân phố T, phường P, quận T, thành phố H (trước đây là phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế); nơi ở: xóm D, tổ dân phố N, phường P, quận T, thành phố H (trước đây là phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế); có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Chị Trương Thị Kim L, sinh năm 1985; nơi thường trú: tổ E (6/9/54 Lê Ngô C1), phường T, quận T, thành phố H, (trước đây là phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế); vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Anh Đặng Phước T, sinh năm 1984; địa chỉ: xóm D, tổ dân phố N, phường P, quận T, thành phố H (trước đây là phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế); vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thị Thanh H1, sinh năm 1988; địa chỉ: thôn L, phường D, quận T, thành phố H (trước đây là xã P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế); vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thị Cẩm V, sinh năm 1976; địa chỉ: số E đường Đ, phường T, quận P, thành phố H (trước đây là thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế); vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị Cẩm V: anh Trần Thiện T1, địa chỉ: B S, phường H, quận P, thành phố H (trước đây là thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế); có mặt.

+ Chị Châu Lê Cát T2, sinh năm 1971; địa chỉ: số A đường P, phường P, quận T, thành phố H (trước đây là thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế); vắng mặt.

+ Anh Trịnh Hoàng Thống N2, sinh năm 1984; địa chỉ: căn LK V khu B khu đô thị R, phường T, quận T, thành phố H (trước đây là thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế); vắng mặt.

+ Chị Trần Lê Phương N, sinh năm 1992; địa chỉ: số A đường N, phường A, quận T, thành phố H (trước đây là thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế); vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

Anh Nguyễn Minh C2, sinh năm 1979; địa chỉ: lô B, khu đô thị P, phường P, quận T, thành phố H (trước đây là thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế); có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2020 đến năm 2022, Nguyễn Minh H là Giám đốc công ty TNHH T5, công ty đặt tại địa chỉ số A đường N, phường P, thành phố H. Trong khoảng thời gian này công ty L2 thua lỗ, H phải đi vay tiền của nhiều người, sau đó vì không có nguồn tiền trả lại nên H tiếp tục vay của người này trả lãi cho người khác khi đến hạn nên số tiền vay ngày càng cao. Để có tiền sử dụng cá nhân và trả nợ, trong khoảng thời gian từ tháng 6/2022 đến tháng 12/2022, H dùng nhiều thủ đoạn gian dối hời vay, mượn tiền rồi chiếm đoạt cụ thể như sau:

1. Hành vi chiếm đoạt tiền của chị Nguyễn Thị Minh N1:

Chị Nguyễn Thị Minh N1 là nhân viên làm việc tại Ngân hàng E1 tại Huế và quen biết H từ năm 2017, do trước đây H nhiều lần vay tiền chị N1 (lãi suất hai bên thỏa thuận từ 1.500 đồng đến 2.000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày) sau đó đều trả lại đầy đủ nên H tạo được niềm tin với chị N1.

* *Lần thứ nhất:* Ngày 09/6/2022, H này sinh ý định chiếm đoạt tiền của chị N1 để trả các khoản nợ, H liên lạc với chị N1 đưa ra thông tin gian dối nói rằng anh trai H (anh Nguyễn Minh C2) cần tiền để thanh toán tiền xây nhà đồng thời H sử dụng tài khoản Zalo Nguyễn Minh H đăng ký số điện thoại 0906570abc nhắn tin vào tài khoản Zalo của chị N1 đăng ký số điện thoại 0935682abc với nội dung "*Chị ơi. Có chị chị mượn giúp bên a châu là 420. Vs mượn dùm e 80 để lỡ chiều em cọc bên chị V luôn chị hí*". Do quen biết và tin lời H nói là thật, chị N1 đồng ý cho H vay số tiền 420.000.000 đồng. N1 đưa tiền mặt cho H là 290.000.000 đồng và sử dụng tài khoản 1026372abc mang tên Nguyễn Thị Minh N1, mở tại Ngân hàng V1 chuyển vào tài khoản 9000166789abc mang tên Nguyễn Minh H mở tại Ngân hàng Q1 (M1) số tiền 130.000.000 đồng. Sau đó chụp ảnh hóa đơn, tin nhắn và N1 nhắn cho H "*Và 290tm, tc là 420 tr e hí*", H nhắn tin xác nhận "*Dạ e nhận đủ 420tr rồi*". Số tiền này H dùng để trả nợ hết.

* *Lần thứ hai:* ngày 24/6/2022, do cần tiền trả nợ H điện thoại liên hệ mượn chị N1 số tiền 200.000.000 đồng và nói dối mượn tiền trả cho mẹ H để chiều mẹ trả lại, H hứa sẽ trả lại cho chị N1 vào ngày 25/6/2022. H nhắn tin vào tài khoản Zalo của chị N1 với nội dung "*Chị ơi. Rứa cái 200 nớ có chừ ko chị. Tại sợ quá giờ trưa em đưa không ai chộ hết là chiều lấy lại không kịp*". Chị N1 tin lời H nói thật nên dùng tài khoản 151516abc mang tên Nguyễn Thị Minh N1 mở tại Ngân hàng V2 chuyển vào tài khoản 9000166789abc mang tên Nguyễn Minh H mở tại Ngân hàng Q1 số tiền 200.000.000 đồng. Chuyển xong chị N1 chụp ảnh hóa đơn chuyển tiền gửi sang cho H để xác nhận. Số tiền này H dùng trả nợ hết.

* *Lần thứ ba:* Ngày 02/8/2022, do cần tiền trả nợ nên H gọi điện cho chị N1 hỏi vay chị N1 số tiền 2.100.000.000 đồng, H đưa ra thông tin gian dối với chị N1 là mượn giúp anh trai của H (anh C2) để trả nợ gia đình và hẹn ngày 08/8/2022 sẽ trả lại, chị N1 tin lời H nói thật nên đồng ý cho H vay. Sau đó H

nhắn tin vào tài khoản Z cho chị N1 nói "*chị ơi. Cỡ mấy giờ là có rửa chị?*", "*Cụ hốt em về nhà cụ đây rồi*". Chị N1 dùng tài khoản 151516abc mang tên Nguyễn Thị Minh N1 mở tại Ngân hàng V2 chuyển vào tài khoản tài khoản 9000166789abc mang tên Nguyễn Minh H mở tại Ngân hàng Q1 số tiền 760.000.000 đồng. Đồng thời nhờ anh Đặng Phước T (chồng N1) chuyển vào tài khoản 55110001321abc mang tên Nguyễn Minh H mở tại Ngân hàng B số tiền 1.250.000.000 đồng; còn lại 40.000.000 đồng chị N1 đưa tiền mặt, nhưng do H bận việc nên nhờ người đến nhận. (Tuy nhiên N1 báo với H sẽ giữ lại 50.000.000 đồng tiền H mượn Nguyệt trước đó, H đồng ý). Lấy được tiền từ chị N1, H đã chuyển khoản trả nợ cho chị Trương Thị Kim L số tiền 1.903.000.000 đồng, còn lại sử dụng cá nhân hết.

* Lần thứ tư: Ngày 29/9/2022, H không có tiền trả cho vợ chồng ông Cao Hữu K (sinh năm 1971) và bà Nguyễn Thị Cẩm V (sinh năm 1976) (cùng trú tại 5 Đ, phường T, thành phố H) số tiền 2.090.000.000 đồng H nợ từ tháng 5/2022. Nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của chị N1 để trả nợ, H nhắn tin vào tài khoản Zalo chị N1 nói "*Chị ơi. Chị thu xếp dùm em 2 tỷ với đc k chị. Có chi em viết giấy vụ ni. chứ em tiến thoái lưỡng nan quá. Có chi em nhờ chị làm hồ sơ cho em vay với. Nếu cuối tuần ni mẹ ra mà thấy không được thì e vay xong e gửi lại chị coi như e mua luôn được chị nả*", chị N1 trả lời "*Chịu e, H2 đòi chị không biết rằng đây cho mượn mô, E làm chị ko trả dc nợ đây*". Tuy chị N1 đã từ chối cho mượn, nhưng H vẫn tiếp tục nhắn tin với nội dung "*Chị ơi. E mệt ds luôn. Chị ráng thu xếp dùm em mà lãi cao tí cũng đc chị nả. Cho e ngang thứ 5 tuần tới em trả...*", "*Còn tiền mấy vụ e mượn ni, nhất định e lấy về trả lại cho chị, mấy hôm chứ e k tập trung làm việc được luôn... Chị ráng giúp e cú ni. E có làm trâu làm ngựa để đền đáp cho chị e cũng làm*". Sau khi nhắn tin mà chị N1 chưa đồng ý, H điện thoại nói dối với chị N1 là cần tiền để trả tiền mua lô đất số 661, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: lô A, LK7, khu Q, thành phố H. H cam kết sẽ trả lại sau khi thế chấp lô đất trên vào Ngân hàng lấy tiền sẽ trả lại cho chị N1. Tin lời H nói là thật nên chị N1 đã liên hệ hỏi vay từ chị Hồ Thị Hồng P (sinh năm 1978; trú tại đường D, thành phố H), chị P đồng ý cho N1 mượn. N1 đưa số tài khoản 777565abc mang tên Nguyễn Thị Thanh H1 (sinh năm 1988 là bạn của N1) mở tại Ngân hàng V3 để chị P chuyển tiền, chị H1 nhận được tiền thì chuyển theo yêu cầu chị N1 vào tài khoản 9000166789abc mang tên Nguyễn Minh H mở tại Ngân hàng Q1 số tiền 2.090.000.000 đồng. Nhận được tiền H đã trả nợ cho vợ chồng anh Cao Hữu K.

Thực tế, lô đất này H mua từ vợ chồng anh K, chị V vào tháng 4/2022 với giá 2.590.000.000 đồng. Chị V cho H đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng lô đất này để vay thế chấp trả đủ tiền đất. Đến tháng 5/2022, H thế chấp lô đất đó để vay của Ngân hàng E1 số tiền 1.950.000.000 đồng (Nhận tiền, H trả chị V 500.000.000 tiền đất (còn nợ 2.090.000.000 đồng); còn lại trả cho chị N1 những khoản vay khác đầu năm 2022). Sau đó, ba mẹ của H đưa H 02 tỷ đồng

(tiền mặt) và yêu cầu H sang tên lô đất qua em trai H là anh Nguyễn Minh T3. H đồng ý, nhận tiền đem đi trả khoản vay thế chấp tại Ngân hàng E1 và lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về sang tên qua anh Nguyễn Minh T3, nên vẫn nợ vợ chồng chị V số tiền 2.090.000.000 đồng. Như vậy, lô đất này vào tháng 5/2022 H đã sang tên cho anh Nguyễn Minh T3, nhưng vì quá hạn vẫn chưa trả hết tiền nợ vợ chồng anh K, chị V. Để trả nợ, H đã dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tiền của chị N1.

* *Lần thứ năm:* Vào ngày 03/12/2022, chị N1 có nhờ H đi lấy số tiền 150.000.000 đồng, sau khi đã nhận tiền thì H liên lạc gặp chị N1 để đưa tiền. Qua nói chuyện H biết chị N1 cần nộp số tiền 150.000.000 đồng này vào tài khoản Ngân hàng, nhưng lúc này đã hết giờ giao dịch. H vì đang cần tiền trả nợ và sử dụng cá nhân nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. H nói dối là có thể sử dụng tài khoản Ngân hàng Q1 của H đến nộp số tiền này vào cây ATM của Ngân hàng Q1, sau đó sẽ chuyển khoản trả lại vào tài khoản Ngân hàng cho chị N1. Chị N1 nghe H nói vậy thì tin tưởng, đồng ý đưa số tiền này lại cho H, cầm tiền H không đi nộp tiền như đã hứa để chuyển trả lại cho chị N1 mà chiếm đoạt sử dụng cá nhân hết.

Như vậy, tổng số tiền Nguyễn Minh H đã chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị Minh N1 là 4.960.000.000 đồng.

2. Hành vi chiếm đoạt tiền của chị Trương Thị Kim L:

* *Lần thứ nhất:* ngày 23/11/2022, Nguyễn Minh H do cần tiền trả nợ nên đưa ra thông tin gian dối với chị Trương Thị Kim L là H cần số tiền 2.400.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng. H nhờ chị L hỏi vay cho H số tiền này và hứa đáo hạn xong sẽ trả lại. Tin tưởng H vì từ đầu năm 2022 chị L đã nhiều lần đưa tiền cho H vay đều được trả lại đầy đủ và đúng hạn. Chị L liên hệ với chị Nguyễn Thị Kim H3 (sinh năm 1974; trú tại số A đường B, phường P, thành phố H) để vay tiền cho H vay lại, thì chị H3 đồng ý cho L vay với thỏa thuận với 2.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Đến ngày 25/11/2022, chị H3 dùng tài khoản Ngân hàng chuyển khoản số tiền 2.400.000.000 đồng vào tài khoản 1017183abc mang tên Trương Thị Kim L, mở tại Ngân hàng S. Sau khi nhận tiền thì chị L đã chuyển khoản vào tài khoản 132222032abc mang tên Nguyễn Minh H, mở tại Ngân hàng V4 số tiền 2.400.000.000 đồng. Nhận được số tiền 2.400.000.000 đồng từ chị L, H chuyển khoản cho anh Đặng Phước T (chồng chị Nguyễn Thị Minh N1) và chị Nguyễn Thị Cẩm V để trả nợ cho chị Nguyễn Thị Minh N1 những khoản vay trước đó (không thuộc khoản nợ 05 lần chiếm đoạt trước đó). Khi đến hạn trả nợ H nói dối với chị L do tiền Ngân hàng chưa cấp lại nên chưa có tiền để trả.

**Lần thứ hai:* Ngày 06/12/2022, do cần tiền trả nợ nên H tiếp tục đưa ra thông tin gian dối với chị Trương Thị Kim L là cần số tiền 1.790.000.000 đồng để đáo hạn Ngân hàng và tái cấp tài khoản, H nhờ chị L hỏi vay cho H khoản

này và hứa đáo hạn xong sẽ trả lại. Chị L tin tưởng nên liên hệ chị Nguyễn Thị Kim H3 vay tiền cho H vay lại, chị H3 đồng ý cho L vay với thỏa thuận với 2.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Đến ngày 08/12/2022, chị H3 dùng tài khoản 17206abc mang tên Nguyễn Thị Kim H3 mở tại Ngân hàng A, để chuyển số tiền 1.700.000.000 đồng vào tài khoản 55110000879abc mang tên Trương Thị Kim L mở tại Ngân hàng B. Sau khi nhận được tiền thì chị L chuyển số tiền này vào tài khoản 9000166789abc mang tên Nguyễn Minh H mở tại Ngân hàng M2. Nhận được số tiền 1.700.000.000 đồng từ chị L, H chuyển trả nợ cho anh Trịnh Hoàng Thống N2 số tiền 1.658.000.000 đồng số còn lại sử dụng cá nhân hết. Đến hạn trả nợ H nói dối với chị L do tiền Ngân hàng chưa cấp lại nên chưa có tiền để trả.

* *Lần thứ ba*: ngày 20/12/2022, Nguyễn Minh H mặc dù còn nợ chị L hai khoản vay trước đó chưa trả (cả gốc và lãi), nhưng vì cần tiền trả nợ nên H tiếp tục đưa ra thông tin gian dối với chị Trương Thị Kim L là cần số tiền 700.000.000 đồng để đáo hạn Ngân hàng, chứng minh tài khoản và nhờ chị Liên tiếp T4 mượn vay cho H số tiền này. H hứa với chị L sẽ trả lại tất cả các khoản vay trước đó khi Ngân hàng cấp lại tiền. Chị L đồng ý nên tiếp tục liên hệ chị Nguyễn Thị Kim H3 vay tiền cho H vay lại thì chị H3 đồng ý với thỏa thuận như trước đây 2.000 đồng/1.000.000/01 ngày, ngày 21/12/2022, chị H3 dùng tài khoản 17206abc mang tên Nguyễn Thị Kim H3 mở tại Ngân hàng A, để chuyển số tiền 700.000.000 đồng vào tài khoản 55110000879abc mang tên Trương Thị Kim L mở tại Ngân hàng B. Nhận được tiền, chị L rút ra tiền mặt và gấp đưa trực tiếp hết cho H. Chiếm đoạt được số tiền 700.000.000 đồng từ chị L, H sử dụng cho việc cá nhân và trả nợ.

Tổng số tiền Nguyễn Minh H 03 lần chiếm đoạt của chị Trương Thị Kim L là 4.800.000.000 đồng.

Như vậy tổng số tiền mà Nguyễn Minh H nhiều lần chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị Minh N1 và chị Trương Thị Kim L trong vụ án này là 9.760.000.000 đồng.

* Về phần giám định: ngày 15/8/2023, Phòng K1 Công an tỉnh T, có bản Kết luận giám định (kỹ thuật số và điện tử) số: 446/KL-KTHS, kết luận:

+ Tìm thấy 2.121 tin nhắn trên ứng dụng Zalo giữa tài khoản H N3 với tài khoản chị N1 trong mẫu vật gửi giám định từ tháng 4/2022 đến tháng 02/2023. Chi tiết thể hiện trong 01 phụ lục CHI N gồm 232 trang giấy khổ A4 kèm theo;

+ Không tìm thấy nội dung tin nhắn trên ứng dụng Zalo giữa tài khoản H N3 với tài khoản Chị L trong mẫu vật gửi giám định từ tháng 4/2022 đến 02/2023.

* Về thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu trong vụ án:

- 05 (năm) giấy mượn tiền do “Nguyễn Minh H viết và ký tên”, chị Nguyễn Thị Minh N1 giao nộp;

- 03 (ba) “phiếu thu có chữ ký của Nguyễn Minh H”, chị Trương Thị Kim L giao nộp;

- 01 (một) điện thoại di động iPhone 12 Pro Max, của Nguyễn Minh H.

* Về xử lý vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh nhập vào kho vật chứng thuộc Phòng cảnh sát Thi hành án hình sK1 và Hỗ trợ tư pháp Công an tỉnh T 01 (một) điện thoại di động iPhone 12 Pro Max; Số đồ vật, tài liệu do chị Nguyễn Thị Minh N1 và chị Trương Thị Kim L giao nộp được đưa vào hồ sơ vụ án;

* Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, truy tố bị cáo Nguyễn Minh H tác động gia đình bồi thường số tiền 80.000.000 đồng cho chị Nguyễn Thị Minh N1.

Tại bản Cáo trạng số 40/CT-VKS-P2 ngày 13 tháng 6 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là Tòa án nhân dân thành phố Huế) đã truy tố bị cáo Nguyễn Minh H, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế giữ nguyên bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, tuyên bố cáo bị cáo Nguyễn Minh H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” đề nghị xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Minh H từ 15 năm tù đến 16 năm tù.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị:

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động iPhone 12 Pro Max, của Nguyễn Minh H.

- Tiếp tục tạm giữ theo hồ sơ vụ án: 05 (năm) giấy mượn tiền do “Nguyễn Minh H viết và ký tên”, chị Nguyễn Thị Minh N1 giao nộp; 03 (ba) “phiếu thu có chữ ký của Nguyễn Minh H”, chị Trương Thị Kim L giao nộp;

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc bị cáo phải trả cho chị Nguyễn Thị Minh N1 số tiền 4.960.000.000 đồng - 80.000.000 đồng = 4.880.000.000 đồng; trả cho chị Trương Thị Kim L số tiền 4.800.000.000 đồng.

Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt;

Luật sư bào chữa cho bị cáo đồng ý với bản cáo trạng và phần luận tội của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho nhân thân của bị cáo không có tiền án, tiền sự; hoàn cảnh gia đình bị cáo; hành vi, động cơ phạm tội và sự hạn chế, sai lầm về hiểu biết pháp luật của bị cáo cũng như mối quan hệ giữa bị cáo và các bị hại trong vụ án để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt; ngoài ra hồ sơ vụ án còn thể hiện bố của bị cáo là thương binh, là người có công với cách mạng nên đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quyết định, hành vi tố tụng: quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan và người tiến hành tố tụng. Các quyết định, hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

[1.2] Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 23/9/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã trả hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế để điều tra bổ sung đối với các khoản tiền mà bị cáo Nguyễn Minh H đã chiếm đoạt của các bị hại Nguyễn Thị Minh N1, Trương Thị Kim L được bị cáo trả nợ cho những người nào, họ tên, địa chỉ cụ thể và số tiền bị cáo trả nợ cho những người này. Tại Văn bản số: 1831/VKS-P2 “V/v chuyển trả hồ sơ để Tòa án đưa vụ án ra xét xử” ngày 18/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tiếp tục giữ nguyên Cáo trạng số: 40/CT-VKS-P2 ngày 13/6/2024 truy tố bị cáo Nguyễn Minh H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

[2] Tại phiên tòa bị cáo H thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập trong quá trình điều tra, truy tố và được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử đã có cơ sở để kết luận:

Trong khoảng thời gian từ tháng 6 năm 2022 đến tháng 12 năm 2022, tại tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố H), để có tiền sử dụng cá nhân và trả nợ, Nguyễn Minh H đã thực hiện những thủ đoạn gian dối khác nhau để vay, mượn

tiền của những người bị hại rồi chiếm đoạt sử dụng để trả nợ, tiêu xài cá nhân hết và không có khả năng trả lại, cụ thể:

+ 05 lần vay mượn tiền của chị Nguyễn Thị Minh N1 (từ ngày 09/6/2022 đến ngày 03/12/2022) với tổng số tiền 4.960.000.000 đồng.

+ 03 lần vay mượn tiền của chị Trương Thị Kim L (từ ngày 23/11/2022 đến ngày 21/12/2022) với số tiền là 4.800.000.000 đồng.

Tổng số tiền bị cáo Nguyễn Minh H đã chiếm đoạt của các bị hại Nguyễn Thị Minh N1, Trương Thị Kim L là 9.760.000.000 đồng (Chín tỷ bảy trăm sáu mươi triệu đồng).

Do đó, Cáo trạng số 40/CT-VKS-P2 ngày 13 tháng 6 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố H) đã truy tố bị cáo Nguyễn Minh H, về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng:

Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, có trình độ và đủ khả năng nhận thức để biết được việc chiếm đoạt trái phép tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, vì mục đích vụ lợi, muốn có tiền nhanh chóng để phục vụ nhu cầu cá nhân nên đã dẫn đến việc phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm, đã xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ.

[5] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng:

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội với tài sản chiếm đoạt mỗi lần đều trị giá rất cao (trên 2.000.000 đồng) nên phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội từ 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là đã bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; cha đẻ của bị cáo là ông Nguyễn Văn C là thương binh nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về biện pháp chấp hành hình phạt: Hành vi bị cáo gây ra là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, do đó cần phải xử lý nghiêm khắc và cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn quy định tại Điều 38 của Bộ luật Hình sự để cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian dài mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội

[7] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại chị Nguyễn Thị Minh N1 yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền đã chiếm đoạt là 4.880.000.000 đồng (4.960.000.000 đồng - 80.000.000 đồng); chị Trương Thị Kim L yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền đã chiếm đoạt là 4.800.000.000 đồng là có căn cứ theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Hình sự và các Điều 584, 585, 586, 588, 589 của Bộ luật Dân sự, nên buộc bị cáo phải bồi thường các khoản tiền này theo yêu cầu của những người bị hại.

[8] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 (một) điện thoại di động iPhone 12 Pro Max, của Nguyễn Minh H.

Tiếp tục tạm giữ theo hồ sơ vụ án: 05 (năm) giấy mượn tiền do “Nguyễn Minh H viết và ký tên”, chị Nguyễn Thị Minh N1 giao nộp; 03 (ba) “phiếu thu có chữ ký của Nguyễn Minh H”, chị Trương Thị Kim L giao nộp.

[9] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng; án phí dân sự sơ thẩm là $\{(112.000.000 \text{ đồng} + (5.680.000.000 \text{ đồng} \times 0,1\%))\} = 117.680.000 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Minh H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Minh H 15 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 26/4/2023.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

2.1. Tịch thu sung công quỹ nhà nước: 01 (một) điện thoại di động iPhone 12 Pro Max, số máy: NGD93VN/A (A2411), số sê ri: F2LF62W60D51, emei: 356194449435115, emei2: 356194449158964 của Nguyễn Minh H.

Vật chứng nêu trên có đặc điểm như biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 09/8/2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố H).

2.2. Tiếp tục tạm giữ theo hồ sơ vụ án: 05 (năm) giấy mượn tiền do “Nguyễn Minh H viết và ký tên”, chị Nguyễn Thị Minh N1 giao nộp; 03 (ba) “phiếu thu có chữ ký của Nguyễn Minh H”, chị Trương Thị Kim L giao nộp.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 588, 589 của Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo Nguyễn Minh H phải trả lại cho chị Nguyễn Thị Minh N1 số tiền 4.880.000.000 đồng; trả lại cho chị Trương Thị Kim L số tiền 4.800.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các Điều 23, 26, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Nguyễn Minh H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; 117.680.000 đồng (một trăm mười bảy triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
 - VKSND thành phố Huế;
 - Phòng PV 06 CA thành phố Huế;
 - Trại tạm giam CA thành phố Huế; ;
 - Cơ quan CSĐT CA thành phố Huế;
 - Cơ quan THAHS CA CA thành phố Huế;
 - Cục Thi hành án Dân sự thành phố Huế;
 - Sở Tư pháp thành phố Huế;
 - Bị cáo;
 - Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
 - Lưu hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự,
- Phòng Thanh tra, Kiểm tra nghiệp vụ và Thi hành án hình sự

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký và đóng dấu)

Trần Ngọc Tú